

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2019

V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Khang.
2. Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Tây Ninh (có mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Cao Minh T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện P, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau vào ngày 22-12-2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, sau khi kết hôn bà sống tại nhà riêng thuộc ấp B, xã H, huyện P, còn ông T sống tại nhà riêng thuộc ấp R, xã K, huyện P, ông bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do trước đây hai bên đều có gia đình có con riêng nên trong sinh hoạt có nhiều bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hai bên thường gây gổ không hòa giải được nên ông bà ly thân từ đó đến nay; thời gian vợ chồng chung sống không có con chung, không tạo được tài sản và cũng không nợ ai. Từ những mâu thuẫn đó xét thấy không thể chung sống được nên bà Nguyễn Thị A xin ly hôn ông Cao Minh T, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Bị đơn ông Cao Minh T trình bày: Trước khi chung sống với bà Nguyễn Thị A ông đã lập gia đình có con riêng, vào năm 2014 ông và bà A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, trong thời gian chung sống ông bà không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp dẫn đến sống ly thân từ đó đến nay, nay bà A xin ly hôn ông đồng ý, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Việc giải quyết vụ án:

Bà A và ông T chung sống, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P ngày 22-12-2014, ông bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hai bên ly thân từ đó đến nay; thời gian vợ chồng chung sống không có con chung, không tạo được tài sản và cũng không nợ ai. Nay bà Nguyễn Thị A xin ly hôn ông Cao Minh T, trong quá trình làm việc ông Cao Minh T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị A, nhưng xin vắng mặt các buổi làm việc của Tòa án, từ những cơ sở trên thể hiện tình cảm giữa bà A và ông T không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A đối với ông Cao Minh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn với ông Cao Minh T. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về hôn nhân: Bà A và ông T chung sống với nhau vào ngày 22-12-2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, sau khi kết hôn bà A sống tại ấp B, xã H, huyện P, còn ông T sống ở ấp R, xã K, huyện P, ông bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do trước đây hai bên đều có gia đình có con riêng nên trong sinh hoạt có nhiều bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hai bên thường gây gổ không hòa giải được nên dẫn đến ông bà sống ly thân từ đó đến nay; thời gian vợ chồng chung sống không có con chung, không tạo được tài sản và cũng không nợ ai. Từ những mâu thuẫn đó xét thấy không thể chung sống được nên bà Nguyễn Thị A xin ly hôn ông Cao Minh T, khi đó ông Cao Minh T xác định mâu thuẫn đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên ông đồng ý ly hôn với bà A, nhưng do điều kiện tham gia giải quyết vụ kiện khó khăn nên anh đã làm đơn xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành làm thủ tục công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông bà mà cần phải đưa ra xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A đối với ông Cao Minh T. Bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Cao Minh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh, chị khai không có nên không yêu cầu đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A đối với ông Cao Minh T. Bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Cao Minh T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông bà khai không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải nhận chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí theo biên lai thu số 0016688 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

Báo cho bà Nguyễn Thị A biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Cao Minh T được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND H. Trảng Bàng;*
- *Chi cục THADS H. Trảng Bàng;*
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *UBND xã An Tịnh, Lộc Hưng;*
- *Lưu VT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đạt